

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**
Số: 2/057/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thanh Hóa, ngày 17 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Bá Thước đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKH ngày 31/10/2013 của Bộ kế hoạch và đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3876/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ Điều chỉnh bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bá Thước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Bá Thước tại Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 22/04/2016 và Hội đồng thẩm định tại Báo cáo số 37/BC-HĐTĐ ngày 14/6/2016 về kết quả thẩm định dự án Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bá Thước đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Bá Thước đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chính sau:

I. Quan điểm phát triển

- Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, đảm bảo phù hợp với Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu của tỉnh.

- Tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển các ngành kinh tế trọng điểm,

các vùng kinh tế động lực; ưu tiên phát triển chăn nuôi đại gia súc, lâm nghiệp và nâng cao đời sống của nhân dân, đồng thời phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và du lịch có trọng tâm, trọng điểm; gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hệ thống giao thông, thủy lợi, hạ tầng đô thị; tập trung phát triển mạnh thị trấn Cành Nàng với các chức năng là trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của huyện; đồng thời cải tạo, nâng cấp và phát triển các đô thị vệ tinh, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế và lan tỏa tới các vùng nông thôn trong huyện.

- Coi trọng phát triển giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh đầu tư và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ để khai thác có hiệu quả các nguồn lực tự nhiên, tạo ra các sản phẩm mũi nhọn, phù hợp với nhu cầu thị trường và phát huy tối đa lợi thế so sánh của huyện.

- Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc Mường và Thái; giữ gìn, phát huy khối đại đoàn kết các dân tộc trong huyện; củng cố hệ thống chính trị vững mạnh từ huyện đến cơ sở; thực hiện hiệu quả chương trình cải cách hành chính; xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Kết hợp kinh tế với quốc phòng trong thế trận toàn dân, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong các giai đoạn phát triển.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế nhanh gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ, phấn đấu xây dựng Bá Thước trở thành huyện giàu về kinh tế, giữ gìn bản sắc văn hóa và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; phát triển mạnh kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, chú trọng thị trấn Cành Nàng, phát triển cụm công nghiệp, điểm tiểu thủ công nghiệp trên cơ sở phát triển vùng khai khoáng, thủy điện và nguyên liệu nông, lâm nghiệp, chế biến nông sản nhằm giảm nghèo nhanh, giảm dần chênh lệch mức thu nhập bình quân chung so với mức của tỉnh, bảo đảm quốc phòng an ninh, giải quyết tốt công bằng xã hội, bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2016 - 2025

a) Về kinh tế

- Tốc độ tăng GTSX bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 16%/năm, giai đoạn 2021 - 2025 đạt 14,5%/năm.

- Cơ cấu giá trị sản xuất (giá HH) đến năm 2020: Nông, lâm, thủy sản 40%; công nghiệp - xây dựng 26%; dịch vụ 34%; đến năm 2025 tương ứng là 32%, 31,5% và 36,5%.

- Thu nhập bình quân đầu người (giá thực tế) năm 2020 đạt 30 triệu đồng; năm 2025 đạt 60 triệu đồng.

- Tổng giá trị xuất khẩu năm 2020 đạt 1,5 triệu USD; năm 2025 đạt 2 triệu USD.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5.500 tỷ đồng; giai đoạn 2021 - 2025 đạt 12.000 tỷ đồng.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 đạt 18,2%; năm 2025 đạt 55%.

- Tỷ lệ đô thị hóa năm 2020 đạt 12,6%; năm 2025 đạt 24,1%.

- Tỷ lệ đường GTNT được cứng hóa năm 2020 đạt 65%; năm 2025 đạt 80%.

b) Về văn hóa - xã hội

- Tỷ lệ tăng quy mô dân số bình quân hàng thời kỳ 2016 - 2025 đạt 0,9%/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình 5,5%/năm giai đoạn 2016 - 2020 và 3%/năm giai đoạn 2021 - 2025 (theo chuẩn từng giai đoạn).

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến 2020 đạt 47,6%; năm 2025 đạt 71,4%.

- Số lao động được tạo việc làm giai đoạn 2016 - 2020 đạt 11.000 lao động; giai đoạn 2021 - 2025 đạt 13.000 lao động.

- Tỷ lệ lao động trong nền kinh tế qua đào tạo năm 2020 đạt 50%; năm 2025 đạt 70%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động năm 2020 đạt 55%; năm 2025 đạt 50%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng năm 2020 giảm xuống 16%; năm 2025 giảm còn 11%.

- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế năm 2020 đạt 78,3%; năm 2025 đạt 91,3%.

c) Về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 62% và duy trì đến năm 2025.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh năm 2020 đạt 96%; năm 2025 đạt 98%.

- Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch năm 2020 đạt 90%; năm 2025 đạt 100%.

d) Về an ninh trật tự

- Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn về an ninh trật tự đến năm 2020 đạt 77,8%; năm 2025 đạt 90%.

3. Mục tiêu định hướng đến năm 2030

- Tốc độ tăng GTSX bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 14,3%.

- Thu nhập bình quân đầu người (giá thực tế) năm 2030 đạt 130 triệu đồng.

- Cơ cấu giá trị sản xuất: Nông, lâm, thủy sản 24,5%; công nghiệp - xây dựng 37 %; dịch vụ 38,5 %.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026 - 2030 đạt 24.000 tỷ đồng.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2030 đạt 100%

4. Hướng đột phá và phát triển sản phẩm chủ lực

4.1. Hướng đột phá

- Phát triển chăn nuôi đại gia súc, trọng tâm là bò lai, đồng thời phát triển các vật nuôi có ưu thế cạnh tranh cao như: Gà đồi, vịt Cổ Lũng, lợn cỏ và dê núi đá.
- Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, đô thị vùng kinh tế - xã hội đặc thù khu vực Quốc Thành (các xã: Ban Công, Thành Lâm, Thành Sơn, Cổ Lũng, Lũng Niêm, Lũng Cao), trọng tâm là trồng dược liệu và phát triển du lịch sinh thái.
- Quản lý và sử dụng có hiệu quả vùng lòng hồ thủy điện Bá Thước II vào phát triển kinh tế du lịch và nuôi trồng khai thác thủy sản.
- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục và nguồn nhân lực, khuyến khích các doanh nghiệp tổ chức dạy nghề cho người lao động; chú trọng đào tạo nghề gắn với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý giỏi về chuyên môn đáp ứng yêu cầu phát triển.

4.2. Định hướng phát triển sản phẩm chủ lực

- Nông, lâm, thủy sản: Tập trung vào một số sản phẩm hàng hóa sau: cây dược liệu, luồng, gỗ nguyên liệu rừng trồng; chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò thịt chất lượng cao, dê), gia cầm, lợn địa phương và vịt Cổ Lũng.
- Công nghiệp: Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực dịch vụ: Phát triển du lịch tâm linh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng; thương mại nội địa và hệ thống khách sạn, nhà hàng.

III. Quy hoạch phát triển các ngành và lĩnh vực đến năm 2025

1. Phát triển các ngành kinh tế

1.1. Nông, lâm, thủy sản

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung, quy mô lớn, chất lượng, hiệu quả, đồng thời gắn kết chặt chẽ với công nghiệp bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ; đẩy mạnh tích tụ ruộng đất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tổ chức tốt mối liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và kinh tế hộ để hình thành và phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản từ sản xuất, chế biến và tiêu thụ. Phân đầu GTSX ngành nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân khoảng 13,8%/năm; đạt khoảng 7,5% giai đoạn 2021 - 2025.

- *Trồng trọt:* Ổn định diện tích lúa 4.800-5.000 ha, trong đó lúa lai đến năm 2020 là trên 90%; năng suất lúa cả năm đến năm 2025 đạt 69 tạ/ha. Ổn định diện tích cây ngô đạt 2.800 - 3.100 ha (ngô lai đạt trên 85%) vào năm 2025; sản tập trung đến năm 2025 đạt 970 ha, năng suất 400 tạ/ha, bảo đảm đủ cung cấp sản nguyên liệu cung cấp cho nhà máy sản Bá Thước. Đẩy mạnh phát triển cây

công nghiệp ngắn ngày, đến năm 2025 cây lạc khoảng 400 - 500 ha, năng suất 15,0 tạ/ha; cây đậu tương 150 - 160 ha, năng suất 15 tạ/ha; rà soát chuyển đổi đất trồng mía nguyên liệu kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn, năm 2025 diện tích mía khoảng 2.900 - 3.000 ha và ổn định diện tích này đến năm 2030, năng suất mía thâm canh từ 100 tấn/ha trở lên.

Phát triển rau đậu thực phẩm năm 2020 đạt 1.500 ha và duy trì đến 2025; cây ăn quả khoảng 270 - 300 ha đến năm 2020 và tăng lên khoảng 1.300 ha năm 2025 và ổn định đến năm 2030; cây thức ăn chăn nuôi đạt 112,0 ha năm 2020 và 130,0 ha năm 2025.

- *Chăn nuôi*: Đẩy mạnh phát triển vật nuôi đặc sản có lợi thế của huyện (lợn cỏ, lợn lòi lai lợn cỏ, gà đồi, vịt Cổ Lũng) kết hợp phát triển các con nuôi truyền thống khác như dê, trâu, bò thịt; tạo điều kiện thuận lợi để dự án nuôi bò thịt của tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai đi vào hoạt động đúng tiến độ; đồng thời tăng nhanh tỷ trọng sin hóa đàn bò, xây dựng các vùng chăn nuôi hàng hóa, theo mô hình trang trại, quy mô lớn bán công nghiệp. Đến năm 2025, đàn dê đạt 5.760 con; đàn gia cầm 828.000 con; đàn lợn 43.800 con; đàn bò 46.000 con; đàn trâu 24.700 con; sản lượng thịt hơi đạt 14.500 tấn; nâng tỷ trọng GTSX năm 2020 đạt trên 42%, năm 2025 đạt 46% ngành nông nghiệp

- *Lâm nghiệp*: Tiếp tục hoàn thiện việc giao đất, giao rừng đến hộ, cho thuê rừng; đẩy mạnh công tác bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng mới rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; tăng cường công tác tổ chức bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và xây dựng hệ thống vườn ươm đủ giống, chất lượng cao, đáp ứng đủ cho trồng rừng. Phân đấu đến năm 2025, diện tích rừng sản xuất đạt 25.000 ha; trong đó: luồng thâm canh đạt 2.000 ha; rừng trồng gỗ lớn 6.100 ha, nâng tỷ lệ che phủ rừng đạt 62%; khai thác có hiệu quả và bền vững cây được liệu dưới tán rừng, tổng diện tích khoảng 500 ha.

- *Thủy sản*: Tận dụng tối đa diện tích mặt nước ao, hồ và các triền sông, suối để nuôi trồng thủy sản. Đến năm 2025, diện tích nuôi trồng thủy sản toàn huyện là 218 ha và nuôi lồng bè trên sông là 1.500 lồng; sản lượng thủy sản 1.333 tấn (nuôi trồng 1.233 tấn; khai thác, đánh bắt 118,8 tấn). Đến năm 2030, diện tích nuôi trồng thủy sản toàn huyện là 220,0 ha và nuôi lồng bè trên sông là 2.000 lồng.

1.2. Công nghiệp và xây dựng

Tập trung phát triển nhanh các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng, ưu tiên các ngành có lợi thế về nguyên liệu và khả năng cạnh tranh vật liệu xây dựng, mây tre đan, chế biến lâm sản. Phân đấu tốc độ tăng GTSX (giá 2010) thời kỳ 2016 - 2020 là 24,3% và giai đoạn 2021 - 2025 tăng 17,2%.

- *Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng*: Xây dựng nhà máy sản xuất gạch không nung công suất 15 triệu viên QTC/năm; đồng thời, khai thác hiệu quả tài nguyên và lao động sẵn có để phát triển mạnh công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; phân đấu đến năm 2025 sản phẩm gạch, ngói các loại là 40,0 triệu viên, đá các loại 448,2 nghìn m³, đưa nghề mới sản xuất đá ốp lát xuất khẩu 100 nghìn m²/năm.

- *Công nghiệp sản xuất điện*: Tạo điều kiện thuận lợi để nhà máy thủy điện Bá Thước I hoàn thành đúng tiến độ, phát điện cuối năm 2016; đưa tổng công suất các nhà máy thủy điện trên địa bàn huyện đạt 140,0 MW.

- *Về công nghiệp chế biến*: Cùng cố các cơ sở xay sát lương thực, chế biến thực phẩm; mở rộng như nhà máy chế biến thức ăn gia súc tại thị trấn Đồng Tâm, công suất 1.500 tấn/năm; xây dựng mới 01 cơ sở chế biến dược liệu, công suất khoảng 100.000 tấn nguyên liệu và 01 nhà máy chế biến phân bón vi sinh, công suất khoảng 11.500 tấn đến năm 2025.

- *Phát triển các cụm công nghiệp - đô thị*: Đến năm 2025, xây dựng các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tại Điện Trung (15 ha); Thiết Ống - Thiết Kế (11 ha) và hình thành các đô thị có chức năng chủ yếu phát triển về công nghiệp - dịch vụ như: Đô thị Điện Lư, Đồng Tâm, thị trấn Cảnh Nang. Các nhà máy bố trí trong các cụm công nghiệp chủ yếu gồm: công nghiệp chế biến lâm sản và sản xuất đồ gỗ, thức ăn chăn nuôi quy mô vừa, sơ chế bột giấy, vật liệu xây dựng, cơ khí, nghề dân dụng và sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu.

- *Xây dựng*: Đẩy mạnh các hoạt động đầu tư xây dựng, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp xây dựng, đảm bảo đủ năng lực tham gia xây dựng các công trình trên địa bàn huyện. Triển khai thực hiện tốt quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đã được phê duyệt, tiếp tục thu hút các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị và xây dựng các khu đô thị mới theo quy hoạch, trước mắt là đô thị Cảnh Nang và Đồng Tâm; đồng thời, từng bước đầu tư kết cấu hạ tầng các đô thị vệ tinh trong huyện theo hướng đồng bộ, hiện đại.

1.3. Dịch vụ

Đa dạng hoá các loại hình dịch vụ, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động dịch vụ nhằm tăng nhanh giá trị thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Phấn đấu GTSX (giá 2010) ngành dịch vụ tăng trung bình 17,5%/năm giai đoạn 2016-2020 và tăng 18,5% trong thời kỳ 2021 - 2025.

- *Thương mại*: Đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, nhất là các mặt hàng thiết yếu đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và phục vụ sản xuất; quan tâm các hoạt động hội chợ và xúc tiến thương mại, mở rộng và nâng cấp mạng lưới chợ xã, từng bước hình thành chuỗi liên kết thương mại với nhà sản xuất. Xây dựng các trung tâm thương mại tập trung, các siêu thị tại thị trấn huyện và các khu đô thị Đồng Tâm - Điện Lư - Phố Đoàn - Lương Trung. Phát triển xuất khẩu phù hợp với nhu cầu thị trường và lợi thế của huyện, xác định mặt hàng xuất khẩu chủ lực là: đá ốp lát, thủ công mỹ nghệ, chế biến lâm sản; phấn đấu đến năm 2020 giá trị xuất khẩu đạt khoảng 1,5 triệu USD; năm 2025 đạt khoảng 2,0 triệu USD và 2030 đạt khoảng 4,0 triệu USD.

- *Du lịch*: Phát triển ngành du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn gắn với các lợi thế sẵn có của địa phương và các loại hình du lịch hiện đại, chuyên nghiệp, tăng cường đầu tư đa dạng hóa các sản phẩm du lịch nhằm thu hút khách du lịch nội địa và quốc tế; tạo việc làm và nâng cao mức sống, trình độ dân trí, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Đa dạng hóa công tác xúc tiến, giới thiệu tiềm năng du lịch của huyện, đẩy mạnh liên kết du lịch của huyện với các

điểm, khu du lịch trong tỉnh, vùng Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Xây dựng và hình thành các khu du lịch Sơn - Bá - Mươi; thác Hiêu, xã Cỗ Lũng; thác Muôn, xã Điền Quang; khu văn hóa và lịch sử Mái Đá Điều, Mái đá nước ở thôn Khiêng, xã Hạ Trung; các hang làng Tráng, xã Lâm Xa; hang làng Cốc, xã Thiết Ống với các sản phẩm mang tính đặc trưng của vùng như: du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, du lịch văn hóa và du lịch nghỉ dưỡng.

- *Tài chính, ngân hàng*: Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng nhằm thu hút nguồn vốn nhân rồi trong nhân dân và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn. Khuyến khích các tổ chức tín dụng mở rộng quy mô, phát triển mạng lưới tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế; phấn đấu tổng dư nợ ngân hàng và quỹ tín dụng đến năm 2020 lên 1.500 tỷ đồng.

- *Vận tải*: Phát triển đa dạng các loại hình vận tải, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phương tiện và khai thác, đặc biệt là các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải; từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, đồng thời mở rộng các tuyến vận tải hàng hóa trong huyện đến các vùng trong tỉnh. Đến năm 2020, số lượt khách luân chuyển trên địa bàn tăng 15,0%/năm, khối lượng vận tải hàng hóa tăng 14,0%/năm; khối lượng hàng hóa luân chuyển trên địa bàn tăng 14,0%/năm.

- *Thông tin, truyền thông*: Phát triển mạnh dịch vụ thông tin và truyền thông, đáp ứng nhu cầu thông tin - liên lạc, các hoạt động sản xuất, giao lưu kinh tế và đời sống nhân dân. Áp dụng mạnh công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành nhà nước và doanh nghiệp; khuyến khích các địa phương, doanh nghiệp xây dựng các trang thông tin điện tử nhằm giới thiệu, quảng bá, trao đổi thông tin và giới thiệu về tiềm năng thế mạnh của huyện để thu hút đầu tư. Phấn đấu đến năm 2020, 100% số xã được cung cấp dịch vụ điện thoại cố định hữu tuyến và thuê bao internet băng thông rộng; 100% dịch vụ hành chính công được đưa lên cổng thông tin điện tử.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

2.1. Giáo dục và đào tạo

Sắp xếp, củng cố mạng lưới các trường tiểu học, THCS và THPT theo hướng giảm các điểm lẻ, lớp ghép ở các trường tiểu học, sáp nhập các trường tiểu học, THCS ở những đơn vị có quy mô nhỏ, tạo điều kiện cho việc bố trí, sắp xếp giáo viên và đầu tư cơ sở vật chất; từng bước chuyển đổi các trường THCS có đủ điều kiện thành trường PTDT bán trú. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn, rút ngắn khoảng cách chất lượng giáo dục giữa các vùng trong huyện; xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng; duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, nâng cao tỷ lệ phổ cập trung học cơ sở và đẩy mạnh phổ cập giáo dục mầm non. Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 47,6%, năm 2025 đạt 71,4%.

Huy động mọi nguồn lực để hoàn thành chương trình kiên cố hoá trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên. Tiếp tục thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục; khuyến khích, huy động các lực lượng xã hội tham gia tích cực công

tác khuyến học và xây dựng xã hội học tập; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên và cán bộ, giáo viên theo quy định.

2.2. Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Đẩy mạnh các hoạt động khám chữa bệnh và nâng cao chất lượng công tác y tế dự phòng tại cơ sở; chủ động phòng chống và phát hiện các dịch bệnh, tăng cường quản lý nhà nước về mua bán, lưu thông thuốc trên địa bàn. Đầu tư, nâng cấp hiện đại hóa Bệnh viện đa khoa Bá Thước và các trạm y tế xã, thị trấn. Đến năm 2020 bệnh viện huyện đạt quy mô 180 giường bệnh; 73,8% xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 100% trạm xá xã có bác sĩ; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống 16% năm 2020 và 11% năm 2025.

2.3. Văn hóa, thể dục thể thao

Bảo tồn và phát triển văn hoá truyền thống và bản sắc dân tộc, hướng các lễ nghi văn hoá truyền thống vào các hoạt động văn hoá lành mạnh và làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân. Quan tâm tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích lịch sử văn hóa, công trình kiến trúc nghệ thuật; khôi phục, giữ gìn và phát huy các Lễ hội, làng nghề truyền thống để đưa vào khai thác và phục vụ phát triển du lịch, hình thành các tụ điểm văn hoá, kết hợp với các điểm sinh hoạt văn hoá, xây dựng bản làng văn hoá.

Tập trung đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa cấp xã, huyện; các công trình văn hóa, thể dục thể thao đa mục tiêu nhằm phục vụ tốt công tác tuyên truyền chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước và phổ biến kiến thức khoa học cho nhân dân. Đẩy mạnh phong trào luyện tập TDTT, trọng tâm là xây dựng phong trào ở các trung tâm kinh tế, công sở, trường học và triển khai ra diện rộng, tạo thành nhu cầu và nếp sống luyện tập thể thao trong mọi tầng lớp nhân dân. Đến năm 2020, tỷ lệ người dân tập luyện TDTT thường xuyên đạt 40-45%, số hộ đạt danh hiệu gia đình thể thao 30%. Đến năm 2030, 100% số làng văn hoá có nhà văn hoá và có sân chơi TDTT.

2.4. Lao động, việc làm và xóa đói giảm nghèo

Đẩy mạnh các hoạt động dạy nghề, dịch vụ tư vấn giới thiệu việc làm, tạo điều kiện cho người lao động có thể tìm được việc làm ở trong và ở ngoài huyện, tăng cường công tác xuất khẩu lao động. Chú trọng lồng ghép các chương trình dự án đầu tư trên địa bàn huyện nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư; huy động các tổ chức, đoàn thể xã hội cùng chung tay giảm nghèo. Thực hiện tốt các chính sách của nhà nước về công tác đền ơn đáp nghĩa, tiếp tục xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương cho các gia đình chính sách, các hộ nghèo gặp khó khăn về nhà ở. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,5%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 là 3%/năm.

3. Phát triển kết cấu hạ tầng

3.1. Hạ tầng giao thông

- *Đường bộ*: Nâng cấp và xây dựng mới các tuyến đường liên huyện đảm bảo mạng lưới giao thông trên địa bàn phù hợp với quy hoạch tổng thể của tỉnh; cụ thể:

+ Đường Điện Lư - Lương Nội - Cẩm Quý (Cẩm Thủy); đường Cành Nàng (Bá Thước) - Phú Lệ (huyện Quan Hóa): Đến năm 2020 nâng cấp từ GTNT loại A lên đường cấp IV miền núi và duy trì đến năm 2030.

+ Đường Lương Nội - Hạ Trung - Ban Công; đường Thiết Ống - Điện Thượng: Đến năm 2020 đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi; đến 2030 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

- *Các tuyến đường GTNT*: Từng bước nâng cấp, tu bổ các tuyến đường huyện, đường xã và giao thông nội đồng trên địa bàn huyện. Phân đầu đến năm 2020, hoàn thiện và cứng hóa 100% tuyến đường liên xã, các tuyến đường nội thị trấn, thị tứ; cứng hóa đường giao thông nông thôn đạt 65% và đến năm 2030 đạt 100%.

- *Hệ thống cầu*: Giai đoạn đến năm 2025 đầu tư xây dựng 04 cầu cứng qua sông Mã thay cho các bến đò hiện nay; gồm:

+ Cầu qua sông Mã, đoạn Thiết Giang - Thiết Ống.

+ Cầu qua sông Mã, đoạn qua xã Tân Lập.

+ Cầu qua sông Mã, đoạn qua xã Ái Thượng.

+ Cầu qua sông Mã, đoạn Một Đội - Lương Trung.

3.2. Hạ tầng cung cấp điện

Đầu tư, nâng cấp và hoàn thiện hạ tầng phân phối điện của huyện. Nâng cấp trạm 110 Bá Thước từ 16 KVA lên 2 x 25 KVA; đầu tư mở rộng mạng lưới hạ tầng cung cấp điện cho 11 thôn bản chưa có điện; phân đầu đến năm 2020, 100% dân số trên địa bàn huyện được sử dụng điện.

3.3. Hạ tầng thông tin - viễn thông

Nâng cấp, mở rộng hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin với công nghệ hiện đại, có độ phủ rộng và thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao. Phân đầu đến năm 2020 ngầm hoá từ 90 - 95% cáp viễn thông và cáp phát thanh truyền hình; 100% số xã được cung cấp dịch vụ điện thoại cố định hữu tuyến và thuê bao internet băng thông rộng; 100% Cơ quan quản lý nhà nước chỉ đạo, điều hành, quản lý hồ sơ, văn bản trên môi trường mạng; 100% dân số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh.

3.4. Hạ tầng thủy lợi

Nâng cấp, tu bổ hệ thống thủy lợi hiện có, kết hợp đầu tư xây dựng mới các công trình thủy lợi nhỏ, kiên cố kênh, mương nội đồng, đảm bảo chủ động cấp, thoát nước cho sản xuất nông nghiệp và phòng chống lũ lụt. Áp dụng các biện pháp tiên tiến, hợp lý, sử dụng nước tiết kiệm có hiệu quả, đảm bảo đủ nguồn nước tưới diện tích canh tác 2 vụ, phát triển cây công nghiệp và cung cấp nước sinh hoạt. Giai đoạn 2016 - 2020, dự kiến tu sửa nâng cấp 47 đập, 31 hồ và 6 trạm bơm; xây dựng mới 9 công trình hồ đập, kiên cố 73 km kênh cấp nước chính và hoàn thành 100% kênh mương nội đồng.

3.5. Hạ tầng cấp thoát nước

Đẩy mạnh thực hiện chương trình cấp nước sạch cho người dân tại các cụm dân cư, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa trong huyện thông qua chương trình nước sạch nông thôn; tập trung đầu tư các công trình cấp nước tại đô thị và các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện. Phân đầu đến năm 2020 dân số đô thị dùng nước sạch đạt 90%; dân số nông thôn dùng nước hợp vệ sinh đạt 96%; 100% các thị trấn, trung tâm dân cư, các làng nghề truyền thống và các khu, cụm công nghiệp được xây dựng hệ thống thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước, không gây ngập úng, không gây ô nhiễm môi trường.

4. Phát triển không gian, lãnh thổ

4.2. Phát triển đô thị

Phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn huyện theo Điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hoá đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Theo đó, đến năm 2020, Bá Thước có 03 đô thị loại V là thị trấn Cảnh Nang, đô thị Đồng Tâm và đô thị Diên Lư, dân số đô thị năm 2020 đạt khoảng 19.000 người và tăng lên 26.000 người năm 2025. Đến năm 2030 phát triển thêm đô thị Phố Đoàn loại V, đưa tổng dân số đô thị lên khoảng 34.000 người.

4.2. Các tiểu vùng

- *Vùng núi cao (Ban Công, Thành Lâm, Thành Sơn, Lũng Niêm, Cổ Lũng và Lũng Cao)*: Thực hiện bố trí, sắp xếp các cụm dân cư, các thị tứ, khu vực chợ; nâng cấp hệ thống đường giao thông nông thôn từ xã đến các thôn bản. Phát triển mạnh các loại dược liệu, rau sạch và cây lương thực, cây ăn quả như cam, chanh, gấc, gừng; tổ chức khoanh nuôi, bảo vệ làm giàu vốn rừng nơi có điều kiện, cải tạo phát triển đồng cỏ, đồi cỏ phục vụ chăn nuôi.

- *Vùng núi vừa và thấp (Tân Lập, Lương Trung, Lương Nội, Lương Ngoại, Thiết Kế, Kỳ Tân và Văn Nho)*: Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống đường giao thông nông thôn từ xã đến các thôn, bản. Tập trung chăm sóc và bảo vệ rừng, phát triển các sản phẩm có lợi thế như cây công nghiệp (lạc, đậu, vừng, mía, sắn...), mía nguyên liệu, luồng thâm canh và rừng sản xuất; chăn nuôi đại gia súc (bò, trâu, dê), đồng cỏ phục vụ chăn nuôi.

- *Vùng thấp (Thiết Ống, Lâm Xa, Ái Thượng, Hạ Trung, Diên Quang, Diên Lư, Diên Trung, Diên Hạ, Diên Thượng và Thị trấn Cảnh Nang)*: Phát triển mạnh thị trấn Cảnh Nang; bố trí, sắp xếp lại các cụm dân cư phù hợp với sự phát triển. Đẩy mạnh thu hút các lĩnh vực chế biến nông, lâm sản, công cụ sản xuất, chăn nuôi đại gia súc theo hướng công nghiệp; duy trì và phát triển các loại cây lương thực, cây ăn quả, cây công nghiệp và rau an toàn.

- *Vùng ôn đới Sơn - Bá - Mười*: Hình thành các vùng chuyên canh rau, củ, quả tập trung, đặc biệt là các sản phẩm cây cận ôn đới; đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng kết hợp với du lịch khám phá, tham quan thắng cảnh khu vực lòng hồ thủy điện.

4.3. Các tuyến hành lang quốc lộ 217 và 15

- Trục Quốc lộ 15: Hạt nhân là đô thị Đồng Tâm, cùng với nhà máy chế

biến tinh bột sắn tại xã Thiết Ống, tập trung phát triển các vùng nguyên liệu sắn, mía, tiểu thủ công nghiệp và các điểm tập kết, thu mua nguyên liệu.

- Trục Quốc lộ 217: Hạt nhân là thị trấn Cành Nàng, từng bước hình thành cụm công nghiệp Điện Trung và thị trấn Điện Lư gắn với phát triển lâm nghiệp và chế biến lâm sản; phát triển các điểm du lịch dọc tuyến như du lịch lòng hồ thủy điện, tiểu vùng ôn đới Sơn - Bá - Mười, các hang động và thác nước tự nhiên trong huyện và kết nối du lịch với vùng Tây Bắc.

4.4. Xây dựng nông thôn mới

Hoàn thành việc sắp xếp, ổn định dân cư gắn với đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm phù hợp với bản sắc văn hóa và lối sống của nhân dân trong vùng. Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư, nhất là vốn đầu tư từ các chương trình mục tiêu kết hợp hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách các cấp để triển khai các dự án xây dựng nông thôn mới; phấn đấu đến năm 2020, xây dựng 18,2% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, năm 2025 có 55% và đến năm 2030 có 100% số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới.

5. Tài nguyên môi trường và biến đổi khí hậu

Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai, rừng, nguồn nước và khoáng sản. Tăng cường kiểm tra hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản; thực hiện nghiêm các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản; kiểm tra, rà soát để thu hồi đất đối với các dự án vi phạm các quy định về quản lý đất đai. Tổ chức quản lý, khai thác tài nguyên nước theo các lưu vực sông; giám sát chặt chẽ các hoạt động khai thác, sử dụng nguồn nước mặt và nước ngầm.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội trong việc quản lý, bảo vệ môi trường. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các CCN trước năm 2025. Mở rộng diện tích che phủ rừng và ngăn chặn khai thác rừng trái phép. Nâng cao chất lượng thẩm định các nội dung liên quan đến bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện; thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động ứng phó với lũ quét, sạt lở đất có thể xảy ra.

6. Quốc phòng, an ninh

Quán triệt tổ chức thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng an ninh trong thời kỳ mới. Tiếp tục thực hiện đề án “Khu dân cư an toàn về an ninh trật tự”; phấn đấu đến năm 2020 có 175/225 khu dân cư (77,8%) đạt tiêu chuẩn về an ninh trật tự. Đẩy mạnh đấu tranh trấn áp tội phạm, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, kiềm chế, không để gia tăng tội phạm; tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

7. Các dự án ưu tiên đầu tư (Có danh mục kèm theo).

IV. Định hướng phát triển đến năm 2030

1. Về phát triển kinh tế

Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng mạnh tỷ trọng các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản trong cơ cấu GTSX của huyện. Trong phát triển nông nghiệp, bên cạnh việc ưu tiên phát triển vốn rừng, tập trung đưa chăn nuôi thành ngành trọng điểm, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng GTSX nông, lâm, thủy sản của huyện. Duy trì và khai thác có hiệu quả thủy điện vừa và nhỏ, công nghiệp khai thác - chế biến khoáng sản; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong khai thác và chế biến nông, lâm sản; tổ chức tốt việc phát triển du lịch gắn với lợi thế về địa hình, địa mạo nhằm bảo tồn và phát triển các cảnh quan tự nhiên trong huyện.

2. Về phát triển văn hóa - xã hội

Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chuyển đổi mạnh từ lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, công tác y tế; bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc. Đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển KT-XH với củng cố an ninh, quốc phòng. Thực hiện có hiệu quả mục tiêu kiềm chế và giảm các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc.

V. Giải pháp thực hiện quy hoạch

1. Giải pháp về đầu tư

Đẩy mạnh thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho phát triển; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh và tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn huyện.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp để nâng cao năng lực chỉ đạo và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý nhà nước gắn với kế hoạch đào tạo bồi dưỡng theo các chương trình, dự án liên kết với các cơ sở đào tạo.

3. Giải pháp về khoa học và công nghệ

Phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất và quản lý; xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất theo mô hình liên kết giữa 4 nhà "Nhà nước - nhà khoa học - nhà nông - nhà doanh nghiệp"; chọn lọc và du nhập các cây, con giống có năng suất, chất lượng phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng của huyện; khuyến khích phát triển các dịch vụ tư vấn, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ.

4. Giải pháp về cơ chế chính sách

Phổ biến kịp thời các cơ chế, chính sách của trung ương và tỉnh tới người dân và doanh nghiệp; xây dựng mới các cơ chế, chính sách cho phát triển một số lĩnh vực then chốt của huyện như sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ

nông, lâm sản; phát triển du lịch và cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

5. Giải pháp bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường; xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường; phát triển các phong trào quần chúng tham gia bảo vệ môi trường, kịp thời phát hiện, nhân rộng các mô hình tiên tiến trong hoạt động bảo vệ môi trường, đưa nội dung bảo vệ môi trường vào cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và vào tiêu chuẩn xét khen thưởng hàng năm ở các địa phương trên địa bàn huyện.

6. Giải pháp về giảm nghèo nhanh và bền vững

Thực hiện tốt các chính sách thuộc chương trình mục tiêu giảm nghèo; tập trung đầu tư phát triển y tế, chăm lo sức khỏe cho người nghèo và cận nghèo; đầu tư xây dựng các mô hình giảm nghèo và dạy nghề cho các hộ nghèo; tạo điều kiện để người dân có tư liệu và phương tiện để sản xuất.

7. Giải pháp về cơ chế phối hợp

Xây dựng và thực hiện các cơ chế phối hợp, hợp tác giữa huyện Bá Thước với các huyện liên kề, các địa phương lân cận theo hướng rõ lĩnh vực, rõ việc; trọng tâm là tổ chức xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch, xây dựng cơ chế chính sách chung nhằm tạo điều kiện mở rộng thị trường, liên kết sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp, đào tạo nhân lực và phát triển dịch vụ du lịch.

8. Giải pháp về tổ chức thực hiện

Tổ chức công bố, công khai quy hoạch; xây dựng các chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện quy hoạch; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện đầu tư phát triển kinh tế xã hội theo quy hoạch được duyệt, đồng thời thường xuyên cập nhật, tổng hợp tình hình báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

9. Giải pháp về nâng cao năng lực điều hành và quốc phòng an ninh

Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị; nâng cao vai trò, năng lực quản lý nhà nước của đội ngũ cán bộ các cấp; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Bá Thước căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong quy hoạch được phê duyệt, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Thông báo rộng rãi quy hoạch đến các ban, ngành, xã, thị trấn và nhân dân trên địa bàn huyện biết để thực hiện quy hoạch.

- Tiến hành rà soát quy hoạch và lập quy hoạch chi tiết đối với ngành và lĩnh vực quan trọng như quy hoạch xây dựng đô thị,... cho phù hợp với điều chỉnh quy hoạch đã được phê duyệt.

- Lập kế hoạch 5 năm và hàng năm, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để đầu tư tập trung, ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư một cách hợp lý.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vượt thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- Hướng dẫn và giúp đỡ UBND huyện Bá Thước nghiên cứu, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Điều 2 Quyết định này.

- Giúp đỡ UBND huyện Bá Thước trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch; đồng thời kiểm tra việc thực hiện của huyện Bá Thước.

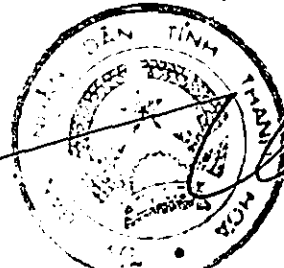
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Bá Thước, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng

Phụ lục
DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ HUYỆN BÁ THƯỚC ĐẾN NĂM 2025
 (Kèm theo Quyết định số: 265/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch
 UBND huyện Thanh Hóa)

Số TT	Tên dự án	Địa điểm	Giai đoạn
I	NÔNG NGHIỆP, THỦY LỢI		
1	Dự án chăn nuôi bò thịt chất lượng cao	Tân Lập, Lương Trung, Lương Nội, Lương Ngoại, Hạ Trung	2016-2020
2	Đập thác Muồn xã Điền Quang	Xã Điền Quang	2016-2020
3	Đập Tá Hương, xã Ban Công	Xã Ban Công	2016-2020
4	Đập hồ Buốc xã Kỳ Tân	Xã Kỳ Tân	2016-2020
5	Đập hồ Đền xã Điền Hạ	Xã Điền Hạ	2016-2020
6	Nuôi trồng thủy sản trên lòng hồ thủy điện sông Mã	Các xã ven hồ thủy điện	2016-2020
II	CÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG		
7	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc, chế biến lâm sản tại Đồng Tâm.	Xã Thiết Ống	2016-2020
8	Xây dựng 01 cơ sở chế biến dược liệu tại khu vực Quốc Thành.	Xã Lũng Niêm	2016-2020
9	Nhà máy chế biến phân bón vi sinh tại Điền Trung.	Xã Điền Trung	2016-2020
10	Khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến gỗ, luồng, mây tre đan, ván ép công nghệ cao.	Xã Thiết Ống	2016-2020
11	Cải tạo và phát triển mạng lưới truyền tải điện trên cả huyện.	Điện dân dụng: Ở các xã. Mạng truyền tải: Theo tuyến qua nhiều xã	2016-2025
12	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch thị trấn Cảnh Nang.	Thị trấn Cảnh Nang	2016-2025
13	Xây dựng lò giết mổ tập trung.	Xã Lâm Xa; Lũng Niêm	
III	THƯƠNG MẠI, DU LỊCH, DỊCH VỤ		
14	Khu du lịch Sơn - Bá - Mười.	Xã Lũng Cao (thôn Sơn, thôn Nậm Bá, thôn Nậm Mười)	2016-2020
15	Khu du lịch thác Muồn.	Xã Điền Quang	2016-2020
16	Xây dựng các trung tâm thương mại Cảnh Nang, Đồng Tâm, Điền Lư.	Thị trấn: Cảnh Nang, Đồng Tâm, Điền Lư	2016-2020

Số TT	Tên dự án	Địa điểm	Giai đoạn
IV	VĂN HÓA - XÃ HỘI		
17	Công trình văn hóa cấp huyện: Xây dựng mới trung tâm văn hóa, trung tâm văn hóa thiếu nhi huyện; sân vận động huyện.	Thị trấn: Cánh Nàng, Đồng Tâm, Phố Đoàn, Diên Lư	2020-2030
18	Xây dựng mới các trường mầm non và xây dựng cơ sở vật chất cho các trường để đạt chuẩn. Xây dựng nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn, nhà công vụ, nhà bán trú cho các trường.	Các xã	2016-2025
19	Bệnh viện huyện, bệnh viện khu vực, TTYT dự phòng; Trạm y tế các xã	Các xã	2016-2030
V	GIAO THÔNG		
20	Đường giao thông từ xã Lũng Niêm đi khu du lịch thác Hươu, xã Cỏ Lũng	Xã Lũng Niêm, xã Cỏ Lũng	2016-2020
21	Đường giao thông từ xã Thiết Ống, xã Diên Thượng đi huyện Cẩm Thủy	Xã Thiết Ống, xã Diên Thượng	2016-2020
22	Đường giao thông từ Giàu Cả đi Cáo Đạo, xã Lương Ngoại, huyện Bá Thước	Xã Lương Ngoại	2016-2020
23	Đường giao thông liên xã Cỏ Lũng - Hạ Trung, Lương Nội, huyện Bá Thước	Xã Cỏ Lũng, xã Hạ Trung, xã Lương Nội	2016-2020
24	Đường giao thông từ trung tâm xã Thành Sơn đi Kho Mường	Xã Thành Sơn	2016-2020
25	Đường giao thông vào trung tâm xã Diên Hạ	Xã Diên Hạ, xã Diên Trung	2016-2020
26	Đường giao thông La Hán, xã Ban Công đi Thiết Giang, xã Thiết Ống	Xã Ban Công, xã Thiết Ống	2016-2020
27	Cầu cứng qua sông Mã đoạn TT. Cánh Nàng sang xã Tân Lập	TT. Cánh Nàng, xã Tân Lập	2020-2025
28	Cầu cứng qua sông Mã đoạn phố Đồng Tâm 1, xã Thiết Ống	Xã Thiết Ống	2020-2025
29	Cầu cứng qua sông Mã đoạn xã Ái Thượng	Xã Ái Thượng	2020-2025
30	Cầu cứng qua sông Mã đoạn xã Lương Trung	Xã Lương Trung	2020-2025